

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số: 21/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

N, ngày 21 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 452/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Nhật T** sinh năm 1983.

Địa chỉ: 2/89A1 đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Huỳnh Hoàng T1**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 2/89A1 đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ chi nhánh Cần Thơ: 14-16B đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Huỳnh Thị D** (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2018)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 63, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Nhật T và ông Huỳnh Hoàng T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Nhật T và ông Huỳnh Hoàng T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Phúc K (Nam), sinh ngày 22/4/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T1 theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

* *Về tài sản chung*:

- Bà T được toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản là nhà đất có diện tích 37,9m², tại địa chỉ 2/89A1 đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Đất thuộc thửa số 72, TBĐ số 37, tọa lạc tại Hẻm 2, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05368 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp cho bà Nguyễn Thị Nhật T.

- Bà T có nghĩa vụ thôi lại cho ông T1 số tiền 150.000.000đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

- *Thời gian giao tiền*: Thỏa thuận giao vào ngày 30/3/2019. Ông T1 được quyền lưu cư tại căn nhà nêu trên từ ngày hòa giải cho đến khi nhận được số tiền do bà T giao.

- *Tài sản vật dụng trong nhà*:

+ Bà T được quyền sở hữu các tài sản: Máy lạnh LG Inverter model V10END; máy giặt hiệu LG model WF – S8019BW và Tivi hiệu Toshiba 24 inch.

+ Ông T1 được quyền sở hữu các tài sản: Lò nướng gas model TL – 212SGQ; Tủ đông Sanaky model VH -4099A1; Máy đánh trứng model CSM-200.

* *Về nợ chung*: Thỏa thuận, bà T có trách nhiệm trả toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi còn thiếu cho Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng tín dụng số: CTH.CN.439.201016 ký ngày 20/10/2016 cho đến khi dứt nợ.

- Phía Ngân hàng TMCP A đồng ý với thỏa thuận nêu trên của bà T và ông T1

* *Chi phí xem xét, thẩm định tài sản*: 4.000.000đồng (bốn triệu đồng), ông T1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí, ông T1 đã nộp xong.

* *Về án phí*:

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà T và ông T1 mỗi người phải chịu 75.000đồng.

- *Án phí chia tài sản*:

+ Bà T phải chịu: 12.893.500đồng (mười hai triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng). Tổng cộng án phí hôn nhân và án phí chia tài sản bà T phải chịu 12.968.500 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 001543 ngày 16/07/2018, bà T còn phải nộp thêm **12.668.500đồng** (*Mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn, năm trăm đồng*).

+ Ông T1 phải chịu: 4.064.000đồng. Tổng cộng án phí hôn nhân và án phí chia tài sản ông T1 phải chịu là 4.139.000 đồng. Khấu trừ 10.500.000đồng ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 001764 ngày 04/9/2018, ông T1 được nhận lại **6.361.000đồng** (*Sáu triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn đồng*), tại Chi cục thi hành án quận Ninh Kiều.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.N;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ